ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3756 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trang trại chăn nuôi heo Thảo Ngọc của Công ty TNHH Chăn nuôi Thảo Ngọc Đắk Lắk

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ quy định về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 và Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Chăn nuôi heo Thảo Ngọc Đắk Lắk tại Công văn số 02/CV-TNĐL đề ngày 12/10/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1122/TTr-SNNMT ngày 09/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trang trại chăn nuôi heo Thảo Ngọc *(sau đây gọi là Dự án)* của Công

ty TNHH Chăn nuôi Thảo Ngọc Đắk Lắk *(sau đây gọi là Chủ dự án)* thực hiện tại thôn 4, xã Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh;
- UBND xã Ea H'Leo;
- Công ty TNHH Chăn nuôi Thảo Ngọc Đắk Lắk; *(Đ/c: thôn 4, xã Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk)*
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Thiên Văn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO THẢO NGỌC
(Kèm theo Quyết định số 3756 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án Trang trại chăn nuôi heo Thảo Ngọc.

- Địa điểm thực hiện dự án thôn 4, xã Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Chăn nuôi Thảo Ngọc Đắk Lắk

- Dự án Trang trại chăn nuôi heo Thảo Ngọc được UBND tỉnh Đắk Lắk chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 03/06/2025.

1.2. Quy mô dự án

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 12,2 ha.

- Công suất thiết kế: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn: 18.000 heo hậu bị/lứa, tương đương 36.000 heo hậu bị/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

Công nghệ sản xuất: Heo giống → Kiểm tra sức khỏe, kiểm dịch và vệ sinh thú y → Chuồng nuôi → Chăm sóc, nuôi dưỡng → Theo dõi sinh trưởng, tuyển chọn, phân loại → Xuất bán giống heo hậu bị.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

a) Hạng mục công trình chính: Xây dựng các chuồng nuôi; các kho dụng cụ, cơ khí và hóa chất; các kho vật tư, chứa cám; xây dựng các silo, tháp nước, bể chứa nước sạch, khu vực khử trùng,...và các hạng mục phụ trợ liên quan khác.

b) Hạng mục công trình phụ trợ và bảo vệ môi trường: Nhà làm việc và nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân viên, nhà bảo vệ; nhà sát trùng; hệ thống giao thông nội bộ và sân, điện chiếu sáng; nhà ép phân và ủ phân vi sinh. Công trình xử lý nước thải, xử lý mùi, thiết bị thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; hố huỷ xác heo, sân phơi bùn, hệ thống thu gom nước mưa; hệ thống cây xanh và các công trình phụ trợ liên quan khác.

c) Hoạt động của dự án:

Các hoạt động của dự án bao gồm các hoạt động san gạt mặt bằng; lắp đặt các hạng mục, công trình và hoạt động chăn nuôi; công trình xử lý, bảo vệ môi trường của Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại

khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động dọn dẹp, giải phóng mặt bằng phục vụ thi công, hoạt động vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu thi công và hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án làm phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, chất thải rắn, chất thải nguy hại ảnh hưởng đến môi trường.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động vận hành của các chuồng trại chăn nuôi heo, hoạt động sinh hoạt của công nhân, hoạt động sát trùng công nhân, sát trùng xe ra vào Trang trại, dụng cụ chăn nuôi; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu (thức ăn, hóa chất, thuốc thú y), hoạt động xử lý phân và nước thải, xử lý mùi,… phát sinh nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại, phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường.

- Hoạt động ứng phó sự cố môi trường hoặc hiện tượng có thể sụt lún,..

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án:

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 4,0 m^3/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng: Nước thải phát sinh từ rửa bánh xe, vệ sinh dụng cụ thi công khoảng 3,28 m^3/ngày. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), độ đục,...

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải: Hoạt động giải phóng mặt bằng, đào đắp, san gạt; hoạt động vận hành máy móc, thiết bị thi công; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá phát sinh bụi và khí thải,.. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSP, CO, NO_2, SO_2.

3.1.2. Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 25 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm thức ăn thừa, giấy, chai nhựa, vỏ trái cây và các chất thải sinh hoạt khác,….

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thảm thực bì: Quá trình dọn dẹp mặt bằng phục vụ thi công dự án phát

sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng 28,3 tấn/toàn bộ giai đoạn thi công. Thành phần chủ yếu gồm: cây bụi, cỏ, đất cát bám theo rễ cây, cành nhánh nhỏ.

+ Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 1.660,2 tấn/toàn bộ thời gian thi công. Thành phần chủ yếu gồm: xi măng, cát, đá, gạch, thép, tôn và que hàn, gỗ cốp pha, gỗ vụn, bao bì vật liệu, nhựa, dây buộc và một số vật liệu thải bỏ.

- Chất thải nguy hại: khối lượng phát sinh khoảng 160 kg/toàn bộ thời gian thi công. Thành phần chủ yếu gồm giẻ lau dính dầu mỡ, vật liệu hấp thụ nhiễm chất thải nguy hại, bao bì nhựa cứng, bóng đèn huỳnh quang, que hàn thải,…

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động của các loại máy móc tham gia thi công.

3.1.4. Các tác động khác:

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích dự án khoảng 0,011 m^3/s. Thông số ô nhiễm do cuốn trôi đất, cát theo dòng chảy với thành phần ô nhiễm như TSS, bùn đất, cát,….

- Nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, sụt lún, sạt lở công trình, tai nạn lao động và rò rỉ, đổ tràn nhiên liệu, hóa chất trong quá trình thi công xây dựng.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải:

- Nước thải phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, nước thải từ khu vực ăn uống, vệ sinh sàn văn phòng, nhà nghỉ ngơi,..) với lưu lượng khoảng 6,07 m^3/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, BOD_5, COD, tổng N, tổng P, TSS, Coliform.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh, sát trùng và rửa xe ra vào khu vực chăn nuôi với khối lượng phát sinh khoảng 9,0 m^3/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm chất rắn lơ lửng (TSS), bùn đất, cặn bẩn, chất hữu cơ phát sinh,...

- Nước thải chăn nuôi heo phát sinh với lưu lượng khoảng 222,88 m^3/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD5, COD, các chất dinh dưỡng (N, P), Coliform, E.coli.

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải:

- Hoạt động chăn nuôi heo phát sinh chủ yếu là khí gây mùi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: NH_3 , H_2S, các acid hữu cơ dễ bay hơi,...

- Hoạt động xử lý phân heo (thu gom, ép, lưu chứa) phát sinh mùi hôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H_2S, NH_3 , hợp chất sulfur hữu cơ,...

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải phát sinh mùi hôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: NH_3 , H_2S, amin, các hợp chất sulfur hữu cơ,...

- Hoạt động của bể biogas phát sinh khí gây mùi hôi và một số khu vực khác. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CH_4 , H_2 S,..

3.2.2. Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên với khối lượng khoảng 32 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: thực phẩm (thức ăn thừa, rau, củ, quả), giấy, nhựa và các chất thải sinh hoạt khác.

- Chất thải rắn thông thường: Hoạt động chăn nuôi heo phát sinh phân heo sau ép với khối lượng khoảng 1.255,6 tấn/năm; xác heo chết không do dịch bệnh khoảng 16,2 tấn/năm *(số liệu thay đổi theo thực tế)*. Tấm làm mát thải bỏ khoảng 1,17 tấn/năm, chất thải rắn thông thường khác (như bao bì thức ăn chăn nuôi, bao bì vật tư và các chất từ vật liệu phụ trợ) khoảng 5,5 tấn/năm. Bùn thải từ hồ Biogas, bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải sau giảm độ ẩm khoảng 117,392 tấn/năm.

- Chất thải rắn nguy hại: Khối lượng phát sinh trong giai đoạn hoạt động khoảng 95 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau dính dầu nhớt, mực in thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc, bao bì cứng thải (thùng can nhựa đựng hóa chất, dầu mỡ thải); bao bì mềm thải (bao bì thuốc thú y thải); chất thải lây nhiễm (chất thải sắc nhọn); xác heo chết do dịch bệnh phát sinh không thường xuyên, được quản lý như chất thải nguy hại.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn hoạt động

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, hoạt động của phương tiện vận chuyển, hoạt động của thiết bị, máy móc phục vụ chăn nuôi.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác:

- Nước mưa phát sinh trên mái công trình, sân đường giao thông nội bộ và các khu vực đất trong phạm vi dự án, lưu lượng tính toán lớn nhất khoảng 12,6 l/s (tính vào ngày mưa lớn). Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS, độ đục, cặn bẩn,...

- Hoạt động xả nước thải sau xử lý có thể làm thay đổi cục bộ lưu lượng, chất lượng nước và hệ sinh thái khu vực suối tiếp nhận.

- Nguy cơ xảy ra sự cố trong giai đoạn hoạt động gồm: sự cố cháy, nổ hầm biogas; sự cố công trình xử lý môi trường (nước thải, hệ thống xử lý mùi); sự cố hóa chất, dịch bệnh; tai nạn lao động và sự cố giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình thi công, xây dựng được thu gom, xử lý sơ bộ bằng nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải xây dựng: Nước thải từ hoạt động rửa bánh xe, vệ sinh dụng cụ thi công xây dựng phát sinh khoảng 3,28 m³/ngày được thu gom về 01 bể lắng *(kết cấu BTCT, gạch và chống thấm)* thể tích là 4,5 m³ để lắng, lọc sơ bộ chất rắn lơ lửng; nước sau xử lý được thu gom, tuần hoàn tái sử dụng; bùn được thu gom, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Nước thải bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại; nước thải từ nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ, nước thải chăn nuôi và nước thải khu vực vệ sinh, sát trùng,….Tổng lưu lượng khoảng 237,95 m³/ngày.đêm, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế 350 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Quy trình, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải của dự án (nước thải chăn nuôi và ép phân, nước thải sinh hoạt, nước thải khu vực nhà ăn, khu vực sát trùng,..) → Bể gom → Hồ Biogas → Hồ lắng → Bể trung gian – tách rác → Keo tụ – tạo bông 1 → Lắng hóa lý 1 → Anoxic cao tải 1 → Aerotank 1 → Anoxic cao tải 2 → Aerotank 2 → Lắng sinh học → Hồ sinh học → Bể trung hòa → Keo tụ – tạo bông 2 → Lắng hóa lý 2 → Khử trùng → Hồ chứa nước sau xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62:2025/BTNMT (cột A) xả ra nguồn tiếp nhận, đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT được tái sử dụng, tưới cây.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường và phương án xả thải, tái sử dụng:

+ Nước thải sau xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, tái sử dụng để tưới cây (cây keo, bạch đàn và chanh dây,…) với tổng lưu lượng khoảng 145,78 m³/ngày (chủ yếu vào mùa nắng, mùa khô). Chủ dự án có trách nhiệm tính toán, cân đối và bảo đảm lượng nước tưới phù hợp với số lượng cây và diện tích tưới thực tế, không để nước thải chảy tràn ra khu vực xung quanh, gây ô nhiễm môi trường.

+ Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 62:2025/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi xả thải ra môi trường với lưu lượng lớn nhất là 220 m³/ngày.đêm; vị trí xả thải: X = 465431; Y = 1475125 (tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 108°30’, múi chiếu 3°), nguồn tiếp nhận nước thải là suối Ea Lắk (theo Công văn số 874/UBND-KT ngày 25/06/2026 của UBND xã Ea H’leo), tần suất xả thải gián đoạn.

+ Phương án kiểm soát, giám sát lưu lượng xả thải ra suối và tái sử dụng, tưới cây bằng đồng hồ đo lưu lượng hoặc thiết bị tương đương.

Lưu ý: Nước thải chăn nuôi cho phép tái sử dụng để tưới cây phải được công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2022/TT-BNNPTNT ngày

30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay Bộ Nông nghiệp và Môi trường), trước khi tưới cây; tuyệt đối không được phép xả thải ra môi trường hoặc tái sử dụng khi chưa thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường hiện hành.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thực hiện tổ chức thi công phù hợp, phun nước tạo ẩm tại khu vực đào đắp, san gạt và đường nội bộ vào thời điểm khô, hanh; cân bằng đất đào để san lấp trong phạm vi dự án; thu gom đất đá, vật liệu rơi vãi và trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật; xe vận chuyển vật liệu rời phải che phủ bằng bạt, không chở quá tải; bố trí khu vực rửa bánh xe tại cổng công trường bằng hố lắng tạm, để lắng cặn và tuần hoàn tái sử dụng, không xả ra môi trường; thường xuyên vệ sinh, thu gom đất, cát và vật liệu rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển gần khu vực dự án.

- Bố trí khu vực tập kết vật liệu phù hợp, che phủ vật liệu rời để hạn chế phát tán ra môi trường, thực hiện các biện pháp che chắn, thông thoáng và trang bị bảo hộ khi hàn, cắt kim loại,.. Che chắn khu vực thi công xây dựng có khả năng phát sinh nhiều bụi, khí thải; ưu tiên thi công khu vực cuối hướng gió, xa khu vực có công trình công cộng, khu dân cư (nếu có).

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho công nhân lao động.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Duy trì chuồng nuôi kín, thường xuyên vệ sinh chuồng trại, thu gom phân và nước tiểu; vận hành hệ thống quạt hút, hệ thống lưới cước ngăn mùi kết hợp phun sương sau quạt hút; sử dụng khoảng 144 quạt hút phân bố cho các dãy chuồng, dòng khí sau quạt đi qua khu vực lưới cước và đầu phun sương sử dụng nước kết hợp chế phẩm khử mùi phù hợp; thực hiện phun chế phẩm khử mùi tại các chuồng nuôi với tần suất 01 lần/ngày, mỗi lần khoảng 10-20 phút; sử dụng các sản phẩm xử lý mùi hôi được công bố theo quy định

- Nhà chứa phân có mái che, nền bê tông và tường bao; thực hiện ép, ủ phân phù hợp; hố tiêu hủy xác heo có nắp đậy kín, sử dụng vôi bột hoặc chlorine theo quy định để khử khuẩn, hạn chế phát tán mùi; phun chế phẩm xử lý mùi tại các khu vực có nguy cơ phát sinh mùi; thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, lưu chứa chất thải phát sinh gọn gàng, có che chắn và sử dụng chế phẩm vi sinh để khử mùi,…

- Bê tông hóa khu vực sân nền, thường xuyên vệ sinh, quét dọn, không để đất, bùn và chất thải tích tụ; kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thoát nước và các công trình xử lý. Thu gom khí Biogas bằng hệ thống kín, qua bồn tách ẩm, lọc khí và bồn lọc H_2S trước khi đưa đến hệ thống đốt khí Biogas; duy trì hệ thống kiểm soát áp suất, van an toàn, van chống cháy ngược và các thiết bị bảo vệ của hệ thống.

- Thực hiện nhập, vận chuyển và cấp thức ăn bằng hệ thống kín, tự động; thường xuyên kiểm tra thiết bị, hạn chế thức ăn rơi vãi; phun nước đường nội bộ vào mùa nắng và trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, thức ăn và xuất bán heo: Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, kiểm soát tốc độ, yêu cầu phương tiện bảo đảm tình trạng kỹ thuật, không chở quá tải, che phủ hoặc sử dụng thùng kín; thường xuyên vệ sinh đường giao thông nội bộ và tưới nước vào mùa nắng với tần suất khoảng 01 lần/ngày.

- Thực hiện chế độ phun thuốc sát trùng theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và các quy định khác liên quan.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, mùi hôi phát sinh trong giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành dự án.

- Tiến hành trồng cây xanh xung quanh các công trình bảo vệ môi trường có phát sinh mùi hôi và những vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế mùi hôi, bụi, tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Bố trí các dãy chuồng nuôi, các công trình lưu chứa chất thải có khả năng phát sinh mùi, chất thải lớn đảm bảo xa khu vực dân cư, đường giao thông,.. và cuối hướng gió để hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

Bố trí các thùng chứa đựng rác thải loại 240 lít có nắp đậy tại khu vực lưu trú công nhân và gần cổng công trường để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải được phân loại tại nguồn, thu gom riêng chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải còn lại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành

Bố trí các thùng chứa đựng rác thải loại 60 lít có nắp đậy, dán nhãn phân loại tại khu vực ăn, nghỉ ngơi công nhân, văn phòng, đường giao thông nội bộ và các khu vực phát sinh chất thải khác. Chất thải rắn sinh hoạt được tập kết về khu lưu chứa chất thải sinh hoạt diện tích khoảng 10 m². Chất thải có khả năng tái chế được thu gom riêng để tái sử dụng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý với tần suất khoảng 02 lần/tuần hoặc khi cần thiết.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sinh khối phát quang gồm cây bụi, cành nhánh nhỏ được thu gom, tận dụng để san lấp khu vực trũng thấp trong khu vực dự án hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đến bãi thải trên địa bàn theo quy định.

- Chất thải xây dựng gồm đất, đá, gạch, bê tông, kim loại, gỗ, bao bì và các loại phế liệu. Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế được tận dụng trong khu vực dự án, những chất không tái sử dụng, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định. Đất đào phát sinh được tận dụng trong phạm vi dự án theo phương án cân bằng đào đắp, trường hợp đất đào dôi dư thực hiện đầy đủ theo quy định tại Luật Địa chất và Khoáng sản.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Phân heo được thu gom về bể chứa phân, ép phân (máy ép phân) để tách chất rắn; diện tích nhà chứa phân khoảng 70 m² (nền bê tông chống thấm, có mái che và rãnh thu gom nước thải ép phân), nước thải ép phân đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung; đóng bao phân ép, lưu chứa nhà kho diện tích khoảng 105 m² để lưu giữ; bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, được thu gom về sân phơi bùn, nước thải thu gom về hệ thống xử lý nước thải. Chất thải phát sinh được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để tái sử dụng sản xuất làm phân hữu cơ.

- Bao bì thức ăn chăn nuôi, bao bì vật tư và các chất thải rắn công nghiệp thông thường khác được thu gom, phân loại riêng, tái sử dụng hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Xác heo chết không do dịch bệnh được thu gom, tiêu huỷ tại hố tiêu huỷ (kết cấu bê tông cốt thép, có nắp đậy kín và đáy chống thấm,..); xác heo được rải vôi, phun dung dịch khử trùng để hạn chế phát sinh mùi và vi sinh vật, nước rỉ phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý tập trung để xử lý, chất thải sau khi tiêu huỷ được thu gom xử lý như chất thải thông thường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bố trí thùng chứa, đựng chất thải nguy hại loại 120 lít, có nắp đậy và nhãn nhận biết và lưu giữ tạm thời tại kho chứa diện tích khoảng 5 m² (nhà có mái che, tường xây xung quanh, nền bê tông, có gờ thu gom nước,..); hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, phân loại theo từng nhóm và lưu giữ tạm thời tại kho lưu chứa; bố trí các thùng chứa có nắp đậy kín, dán nhãn nhận biết. Kho lưu chứa chất thải diện tích khoảng 27,6 m² *(kết cấu bê tông cốt thép, tường bao xây gạch, mái che kín, cửa có khóa, nền bê tông không thấm)*, bố trí biển cảnh báo, phương tiện ứng phó sự cố rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Trường hợp heo chết do nghi ngờ bệnh có thể lây lan, Chủ dự án có trách nhiệm thông báo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; bố trí khu vực dự phòng chôn xác heo chết do dịch bệnh có diện tích 200 m^2.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị thi công có chất lượng tốt, khả năng gây ồn thấp.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị giảm thanh, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Sắp xếp thời gian làm việc thích hợp theo đúng giờ lao động.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng và vận hành đúng tốc độ tại từng khu vực để đảm bảo giảm thiểu tiếng ồn cho môi trường xung quanh, hạn chế việc sử dụng còi trong khu vực dự án. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng; duy trì thiết bị hoạt động ổn định, được cân bằng và bảo đảm tình trạng kỹ thuật phù hợp nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung phát sinh.

- Cho heo ăn đúng giờ, khẩu phần đầy đủ, cân đối.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sụt lún, sạt lở, thiên tai, tai nạn lao động, đổ tràn nhiên liệu, hóa chất trong quá trình thi công; xây dựng phương án ứng phó sự cố cháy nổ trong quá trình thi công, xây dựng dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh dự án đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; trang bị máy bơm lưu động để chống ngập úng.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thi công, kiểm soát phương tiện, trang bị bảo hộ lao động, biển cảnh báo và tổ chức sơ cứu, cấp cứu khi xảy ra sự cố.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Thực hiện xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó đối với các sự cố công trình bảo vệ môi trường, sự cố đối với kho chứa chất thải rắn, do dịch bệnh, sự cố hố tiêu hủy xác và tai nạn lao động, giao thông.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống quạt hút, hệ thống bơm phun khử mùi buồng xử lý mùi cuối chuồng nuôi. Trong trường hợp hệ thống xử lý mùi bị hỏng, tiến hành tạm dừng hoạt động hệ thống xử lý mùi để kiểm tra, sau khi khắc phục xong tiếp tục hoạt động, đảm bảo xử lý, giảm thiểu mùi phát tán ra môi trường.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành và bảo dưỡng các thiết bị máy móc của hệ thống xử lý, đảm bảo hệ thống xử lý vận hành đúng công suất; Bố trí các bơm, thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi gặp sự cố hư hỏng thiết bị. Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, lưu chứa toàn bộ nước thải tại hồ chứa trong thời gian khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục sự cố, bơm toàn bộ nước thải trở lại hệ thống xử lý nước thải và tiến hành xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi tái sử dụng, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố tại trạm xử lý nước thải.

- Lắp đặt van điều áp tự xả khí để kiểm soát lượng khí trong bể tránh hiện tượng áp suất khí gây cháy nổ hệ thống; thường xuyên theo dõi thiết bị van điều áp trong hệ thống.

- Lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; thực hiện các quy định về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ hóa chất theo quy định của pháp luật về hóa chất.

- Không khai thác nước dưới đất vượt quá công suất cho phép. Thực hiện các quy định về khai thác nước dưới đất, thiết lập các vùng phòng hộ vệ sinh của vùng khai thác, lập phương án trám lấp giếng theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn tự chảy theo các mương, rãnh thu gom và thoát nước mưa tạm xung quanh khu vực công trường; thường xuyên khơi thông, nạo vét

nhằm bảo đảm khả năng tiêu thoát nước và hạn chế ngập úng, xói lở.

- Thực hiện quản lý mặt bằng thi công, thoát nước và vệ sinh công trường; bố trí khu vực tập kết vật liệu, chất thải và chất thải nguy hại phù hợp, không để nước mưa cuốn trôi chất thải vào hệ thống thoát nước.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng ngừa sự cố trong suốt quá trình thi công.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Đảm bảo diện tích trồng cây xanh, cây xanh cách ly xung quanh dự án để giảm thiểu bụi, tiếng ồn, mùi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi đến môi trường xung quanh.

- Nước mưa chảy tràn khu vực chuồng trại bố trí mương hở và hố ga lắng cặn; khu vực cây xanh, thảm cỏ chủ yếu cho nước mưa thấm tự nhiên, phần nước dư được thu gom về hệ thống thoát nước và chảy ra suối Ea Lắk.

- Thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh, khử trùng chuồng trại, dụng cụ và phương tiện; kiểm soát người, phương tiện, vật tư ra vào dự án nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh, lây lan dịch bệnh.

- Thường xuyên kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường, hệ thống thu gom, xử lý nước thải và khu vực lưu chứa chất thải; kịp thời sửa chữa, khắc phục khi phát hiện hư hỏng, rò rỉ hoặc dấu hiệu bất thường.

- Thực hiện kiểm soát chất lượng nước trước khi xả ra suối Ea Lắk, chỉ xả thải ra môi trường khi đáp ứng yêu cầu theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

Chủ Dự án có trách nhiệm xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi triển khai thực hiện dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường:

5.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại:

- Vị trí: Khu vực tập kết và lưu giữ chất thải.

- Thông số giám sát: Phân loại, khối lượng phát sinh, nhật ký theo dõi hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao: chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất: Thường xuyên.

b) Giám sát sạt lở đất:

- Vị trí: Khu vực đào đắp, taluy, khu vực dốc và điểm tập kết vật liệu.

- Thông số giám sát: Kiểm tra ổn định mái taluy, khu vực dễ bị sụt lún, xói mòn,...

- Tần suất: Giám sát hàng ngày tại khu vực có nguy cơ hoặc khu vực có dấu hiệu bất thường.

5.2.2. Giai đoạn vận hành

a) Giám sát chất lượng nước thải

- Vị trí giám sát: Hồ chứa nước thải sau xử lý

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD_5 , COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng Nitơ, tổng Coliform.

- Tần suất: 03 tháng/lần và giám sát đột xuất khi xảy ra sự cố môi trường

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột A);

b) Giám sát chất lượng nước tưới cây

- Vị trí giám sát: Tại hồ chứa nước phục vụ cho tưới cây.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, Clorua (Cl^-), Asen (As), Cadimi (Cd), Crom tổng số (Cr), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), E.coli.

- Tần suất: 03 tháng/lần và giám sát đột xuất khi xảy ra sự cố môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

c) Giám sát chất lượng không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: Khu vực cách hệ thống xử lý nước thải tối thiểu 50 m về cuối hướng gió; khu vực cách lò đốt khí biogas tối thiểu 50 m về cuối hướng gió; đại diện khu vực các dãy chuồng nuôi, cách dãy tối thiểu 50 m về cuối hướng gió.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi tổng lơ lửng, CO, SO_2 , NH_3 , H_2 S, NO_2 .

- Tần suất: 06 tháng/lần

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

d) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Vị trí: Tại khuôn viên dự án.

- *Thông số giám sát:* Phân loại, khối lượng phát sinh, nhật ký theo dõi hoặc hợp đồng chuyển giao: chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất: Thường xuyên.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện, yêu cầu có liên quan đến môi trường với các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

6.2. Chỉ thực hiện triển khai Dự án sau khi hoàn thành bàn giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6.3. Chỉ thực hiện khai thác, sử dụng nước dưới đất phục vụ hoạt động của Dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định của pháp luật.

6.4. Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và khoảng cách trong chăn nuôi trang trại theo quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi và Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT.

6.5. Công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

6.6. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

6.7. Xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án, hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước, hệ sinh thái tại khu vực Dự án.

6.8. Lập phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật

6.9. Thực hiện nghiêm các nội dung đã cam kết với địa phương và các hộ dân chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi Dự án; có biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện Dự án. Cam kết bồi thường thiệt hại về môi trường và khắc phục hậu quả do rủi ro, sự cố do Dự án gây ra; để lối đi riêng đến khu vực các công trình bảo vệ môi trường để thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát.

6.10. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá

trình triển khai Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng.

6.11. Đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện như cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.12. Thực hiện các giải pháp kỹ thuật tại các khu vực phát sinh mùi để hạn chế mùi phát tán và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật; nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

6.13. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6.14. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ đối với công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.15. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo yêu cầu về công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.16. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.